

Số : 118/QĐ-TTA

Trà Bông, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của Trường THPT Tây Trà

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TÂY TRÀ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4467/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Trường THPT Tây Trà theo Phụ lục đính kèm

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng các tổ: chuyên môn, văn phòng, bộ phận tài vụ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GD &ĐT Quảng Ngãi;
- TB bảng tin, Webside trường;
- Lưu: VT, KT



HIỆU TRƯỞNG

Võ Hồng Trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THPT TÂY TRÀ

Biểu số 2-TT90

CHƯƠNG: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 118 /QĐ-TTA ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Trường THPT Tây Trà)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí	137.000.000
I	Số thu phí, lệ phí	137.000.000
1	Lệ phí	0
2	Phí	137.000.000
	Học phí	137.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	137.000.000
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	137.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	137.000.000
	Bổ sung kinh phí nguồn cải cách tiền lương	54.800.000
	Bổ sung kinh phí hoạt động	82.200.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	82.200.000
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0
1	Lệ phí	0
2	Phí	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.619.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	15.619.000.000
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.836.000.000
1.1	Chi cho con người	8.437.000.000
	Lương và phụ cấp lương	7.628.818.000
	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	808.182.000
1.2	Nhóm chi hành chính, công vụ	509.100.000
	Dịch vụ công cộng	117.100.000
	Văn phòng phẩm	90.000.000
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	32.000.000
	Công tác phí	242.000.000
	Phúc lợi tập thể	28.000.000
1.3	Nhóm chi chuyên môn nghiệp vụ	392.100.000
	Chi phí thuê mướn (thuê xe, đào tạo, bồi dưỡng lại cán bộ, lao động khác)	40.000.000
	Nghiệp vụ chuyên môn	302.100.000
	Chi khen thưởng	50.000.000
1.4	Nhóm chi mua sắm, sửa chữa	437.800.000
	Sửa chữa thường xuyên	264.000.000
	Mua sắm tài sản	173.800.000
1.5	Chi khác	60.000.000
	- Chi tiếp khách	30.000.000
	- Chi hỗ trợ hoạt động đoàn thể	20.000.000



	- Chi tiết	10.000.000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.783.000.000
2.1	Kinh phí hỗ trợ học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	4.722.000.000
2.2	Kinh phí thực hiện chính sách về người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	36.000.000
2.3	Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	885.000.000
2.4	Kinh phí thực hiện Chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ	140.000.000

